

Số: /SKHCN-QLCN

Hải Phòng, ngày tháng 7 năm 2025

V/v đề xuất công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành có liên quan;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Thực hiện Công văn số 6610/VP-VX ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng về việc đề xuất công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược và Công văn số 3348/BKHCN-CN ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đề xuất công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược (gửi kèm).

Nhằm thực hiện Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược (CNCL) và sản phẩm công nghệ chiến lược (SPCNCL) (gửi kèm), Bộ Khoa học và Công nghệ đang tiến hành khảo sát, đánh giá các CNCL và SPCNCL tiềm năng để hỗ trợ phát triển. Do đó, Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng thông báo và đề nghị Quý cơ quan, tổ chức nghiên cứu, tham gia đề xuất công nghệ và sản phẩm có tiềm năng đánh giá là CNCL và SPCNCL thông qua một trong hai hình thức sau:

1. Đề xuất trên Cổng Sáng kiến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa chỉ: <https://sangkien.mst.gov.vn/sang-kien-phat-trien-cong-nghe-chien-luoc>.

2. Gửi văn bản đề xuất về Bộ Khoa học và Công nghệ, địa chỉ 18 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Hà Nội (chi tiết theo mẫu đề xuất công nghệ, sản phẩm tại Phụ lục kèm theo).

Thời gian nhận đề xuất của Quý cơ quan, tổ chức trước **ngày 30 hàng tháng** để Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đánh giá CNCL và SPCNCL tiềm năng.

Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng thông báo đến cơ quan, tổ chức có nhu cầu đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP UBND thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở; PGĐ Sở: Nguyễn Cao Thắng (b/c);
- Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở (để thực hiện);
- TT Công nghệ thông tin và Truyền thông (đăng tải);
- Lưu: VT, QLCN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Lương Thịnh

DANH SÁCH CÁC SỞ, NGÀNH GỬI VĂN BẢN
(Kèm theo Công văn số /SKHCN-QLCN ngày 28 tháng 7 năm 2025
của Sở Khoa học và Công nghệ)

TT	Sở, ban, ngành
1.	Sở Tài chính
2.	Sở Xây dựng
3.	Sở Công Thương
4.	Sở Y tế
5.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6.	Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch
7.	Sở Tư pháp
8.	Sở Giáo dục và Đào tạo
9.	Sở Nội vụ
10.	Sở Ngoại vụ
11.	Công an thành phố
12.	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố
13.	Ban Quản lý các Khu kinh tế
14.	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước khu vực 6
15.	114 UBND cấp xã
16.	Các doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ

PHỤ LỤC I

Mẫu đề xuất CN/SP
2025-CNCL-BKHCN

TÊN BỘ/NGÀNH/ĐỊA PHƯƠNG
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 2025

ĐỀ XUẤT CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC VÀ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

1. Tên công nghệ/sản phẩm (CN/SP)

Công nghệ, sản phẩm đề xuất phải phù hợp với Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.

- Tên công nghệ/sản phẩm¹:
- Mô tả công nghệ/sản phẩm:

2. Yêu cầu chung đối với CN/SP

- Giải bài toán Việt Nam (Phục vụ mục tiêu quốc gia, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chính quyền địa phương 2 cấp, tăng năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội):
- Khả năng thay thế nhập khẩu và tiềm năng xuất khẩu:
- Có năng lực cạnh tranh trên thị trường (Khả năng thương mại hóa, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và được đánh giá độc lập, khả năng cạnh tranh về chất lượng và giá thành):
- Quy mô thị trường nội địa (Quy mô thị trường, tốc độ tăng trưởng, thị phần của doanh nghiệp):

3. Hiện trạng, mục tiêu nghiên cứu, phát triển và làm chủ CN/SP

- Hiện trạng
 - Mức độ sẵn sàng công nghệ theo TRL²:
 - Mức độ làm chủ thiết kế (theo tỷ lệ %):
 - Mức độ làm chủ tích hợp hệ thống thành sản phẩm (theo tỷ lệ %):
 - Mức độ làm chủ các công nghệ lõi (theo tỷ lệ %):
 - Sản phẩm có những công nghệ lõi gì, khả năng làm chủ từng công nghệ (liệt kê đầy đủ các công nghệ lõi của sản phẩm và điền mức độ doanh nghiệp làm chủ từng công nghệ lõi theo tỷ lệ %):
- Tỷ lệ giá trị nội địa trong sản phẩm ($\text{Giá trị nội địa} / \text{Tổng giá thành sản phẩm} \times 100\%$):
- Mục tiêu đến giai đoạn 2030 (theo các mốc năm 2025 và đến năm 2027/ 2030).
 - Mức độ sẵn sàng công nghệ theo TRL:
 - Mức độ làm chủ thiết kế (theo tỷ lệ %):
 - Mức độ làm chủ tích hợp hệ thống thành sản phẩm (theo tỷ lệ %):
 - Mức độ làm chủ các công nghệ lõi (theo tỷ lệ %):

¹ Tên sản phẩm hoặc dòng sản phẩm doanh nghiệp đang nghiên cứu, phát triển.

² Dựa trên Mức độ sẵn sàng công nghệ (Technology Readiness Levels - TRL) của NASA.

- Sản phẩm có những công nghệ lõi gì, khả năng làm chủ từng công nghệ (*liệt kê đầy đủ các công nghệ lõi của sản phẩm và điểm mức độ doanh nghiệp làm chủ từng công nghệ lõi theo tỷ lệ%*):

- Tỷ lệ giá trị nội địa của doanh nghiệp trong sản phẩm (*Giá trị nội địa/Tổng giá thành sản phẩm $\times 100\%$*):

c) Dự kiến doanh thu tạo ra từ sản phẩm của doanh nghiệp so với chi phí đầu tư vào nghiên cứu, phát triển là bao nhiêu lần sau 3-5 năm.

4. Năng lực nghiên cứu và sản xuất

a) Đội ngũ nghiên cứu, phát triển (*Nhân lực, chuyên gia có trình độ cao, kỹ sư giàu kinh nghiệm tham gia nghiên cứu, phát triển CN/SP*).

b) Hạ tầng phục vụ nghiên cứu, phát triển (*Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm liên quan tới CN/SP, ...*).

c) Sở hữu trí tuệ: (*Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; Bản quyền phần mềm/Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả; Bằng bảo hộ giống cây trồng; ...*).

d) Năng lực sản xuất (*Công suất sản xuất tối đa của doanh nghiệp: số sản phẩm/1 tháng, số lượng sản phẩm doanh nghiệp đã bán ra trên thị trường*).

5. Chi phí đầu tư nghiên cứu, phát triển CN/SP

a) Tổng kinh phí đầu tư dự kiến:

b) Kinh phí của tổ chức/doanh nghiệp

- Kinh phí đã đầu tư:

- Kinh phí sẽ đầu tư:

c) Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ Nhà nước (*không quá 30% đối với doanh nghiệp, không quá 100% đối với tổ chức; nhu cầu dự kiến năm 2025 và cho giai đoạn năm 2026 - năm 2027/2030*):

- Kinh phí cho nghiên cứu, phát triển:

- Kinh phí cho đầu tư hạ tầng nghiên cứu:

- Kinh phí khác:

6. Nhu cầu, đề xuất hỗ trợ từ Nhà nước

Nêu cụ thể các đề xuất hỗ trợ để giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, hoàn thiện, làm chủ, đổi mới và thương mại hóa công nghệ, sản phẩm công nghệ theo các nội dung hỗ trợ cụ thể sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

b) Hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ/sản phẩm, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo đối với công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.

c) Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị cho cơ sở thí nghiệm, nghiên cứu dùng chung.

d) Đầu tư thực hiện dự án phát triển công nghệ chiến lược.

e) Cơ chế thử nghiệm chính sách có kiểm soát (sandbox).

f) Xây dựng, đề xuất, đo lường, đánh giá, tiêu chuẩn công nghệ/sản phẩm, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế.

g) Cơ chế, chính sách khuyến khích mua sắm, sử dụng, ứng dụng công nghệ/sản phẩm.

h) Đăng ký sở hữu trí tuệ, bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghệ, bản quyền công nghệ/sản phẩm.

i) Truyền thông trong và ngoài nước.

k) Hợp tác quốc tế, giải mã, chuyển giao công nghệ.

l) Hỗ trợ thúc đẩy kinh doanh, gọi vốn đầu tư.

m) Các nhu cầu khác.

7. Thông tin liên hệ:

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Mã định danh điện tử của tổ chức/doanh nghiệp:
- Điện thoại:
- Email:
- Địa chỉ liên hệ:

....., ngày ... tháng ... năm 2025

Đại diện tổ chức/doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)